

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK



**DRI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ I NĂM 2016**

Buôn Ma Thuột, tháng 04 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Tỷ giá: vnd/lak 0.3648

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số kỳ này	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>77,454,182,279</b>	<b>60,035,072,816</b>
<b>I.</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (110=111+112)</b>	<b>110</b>		<b>7,964,971,732</b>	<b>12,839,708,200</b>
1.	Tiền	111		7,964,971,732	12,839,708,200
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (120=121+122+123)</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
<b>III.</b>	<b>CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (130=131+132+133+134)</b>	<b>130</b>		<b>21,518,031,894</b>	<b>14,237,847,060</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		4,956,492,371	5,568,363,833
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,972,576,129	1,476,578,899
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136		15,451,282,843	8,058,545,866
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		(862,319,449)	(865,641,538)
<b>IV.</b>	<b>HÀNG TỒN KHO (140=141+149)</b>	<b>140</b>		<b>35,920,994,652</b>	<b>20,867,014,915</b>
1.	Hàng tồn kho	141		35,920,994,652	20,867,014,915
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC (150=151+152+154+155)</b>	<b>150</b>		<b>12,050,184,002</b>	<b>12,090,502,641</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12,236,546	5,913,505
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		411,921	678,946
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		12,037,535,535	12,083,910,190
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1,499,558,442,999</b>	<b>1,518,718,862,194</b>
<b>I.</b>	<b>CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN (210=211+212+213+214+219)</b>	<b>210</b>		<b>266,196,678</b>	<b>-</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		266,196,678	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (220=221+224+227+230)</b>	<b>220</b>		<b>1,216,844,481,617</b>	<b>1,223,511,891,663</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình (221=222+223)	221		1,216,246,177,151	1,222,895,363,675
	- Nguyên giá	222		1,426,664,747,456	1,425,085,641,885
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(210,418,570,304)	(202,190,276,210)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính (224=225+226)	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình (227=228+229)	227		598,304,465	616,525,988
	- Nguyên giá	228		1,008,573,191	1,012,458,723
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(410,268,725)	(395,932,735)
<b>IV.</b>	<b>TÀI SẢN DỜ ĐANG DÀI HẠN (240=241+242)</b>	<b>240</b>		<b>270,886,778,810</b>	<b>281,425,308,027</b>
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		270,886,778,810	281,425,308,027
<b>V.</b>	<b>ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (250=251+252+253+254+255)</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
<b>V.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC (260=261+262+263+268)</b>	<b>260</b>		<b>11,560,985,894</b>	<b>13,781,662,504</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		11,560,985,894	13,781,662,504
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,577,012,625,278</b>	<b>1,578,753,935,010</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>817,511,769,634</b>	<b>806,160,973,686</b>
<b>I.</b>	<b>NỢ NGẮN HẠN (310=311+312+313+314+315+316+317+318+319+320+321+322)</b>	<b>310</b>	<b>300,755,754,230</b>	<b>282,853,206,840</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	7,638,818,805	1,592,889,953
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1,109,734	1,584,356,442
3.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	2,306,140,800	3,615,489,920
4.	Phải trả người lao động	314	9,892,681,888	27,884,005,703
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	736,064,923	796,919,329
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	9,901,637	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	9,509,933,391	12,273,522,229
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	270,655,956,469	235,100,856,855
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5,146,582	5,166,409
<b>II.</b>	<b>NỢ DÀI HẠN (330=331+332+333+334+335+336+337+338+339+340+341+342+343)</b>	<b>330</b>	<b>516,756,015,403</b>	<b>523,307,766,846</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3.	Chi phí trả trước dài hạn	333	-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	516,756,015,403	523,307,766,846
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	-	-
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>	<b>759,500,855,645</b>	<b>772,592,961,324</b>
<b>I.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (410=411+412+413+414+415+416+417+418)</b>	<b>410</b>	<b>759,500,855,645</b>	<b>772,592,961,324</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	732,000,000,000	732,000,000,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	-	-
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	92,603,091,697	92,548,142,480
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	-	-
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(65,102,236,052)	(51,955,181,156)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(51,512,252,770)	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(13,589,983,283)	-
12.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
<b>E.</b>	<b>LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1,577,012,625,278</b>	<b>1,578,753,935,010</b>



Lê Thanh Cường  
Kế toán trưởng



Buôn Ma Thuột, ngày tháng 04 năm 2016

Văn Đức Lưu  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 1 Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Mã số	Kỳ này	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	38,377,842,385	412,668,973,306
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	38,377,842,385	412,668,973,306
4. Giá vốn hàng bán	11	35,662,640,800	324,326,763,345
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	2,715,201,584	88,342,209,961
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,785,205,987	3,511,290,367
7. Chi phí tài chính	22	12,768,316,431	66,921,006,892
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	12,713,106,291	56,249,320,305
8. Chi phí bán hàng	25	538,527,941	6,514,608,198
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2,782,454,999	13,641,812,222
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30=20+(21-22)-(25+26)]	30	(11,588,891,800)	4,776,073,016
11. Thu nhập khác	31	40,197,368	418,271,877
12. Chi phí khác	32	1,427,243,374	68,416,815
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	(1,387,046,006)	349,855,062
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	(12,975,937,806)	5,125,928,078
15. Chi phí TNDN hiện hành	51	614,045,477	6,602,636,447
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	(13,589,983,283)	(1,476,708,369)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-


Lê Thanh Cường  
Kế toán trưởngVăn Đức Lư  
Tổng Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày tháng 04 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(12,975,937,806)	5,125,928,078
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7.8	(13,885,490,572)	48,854,152,498
- Các khoản dự phòng	03		-	(118,292,095)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	3,419,193,615
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1,387,046,006	(359,384,893)
- Chi phí lãi vay	06		12,713,106,291	56,249,320,305
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(12,761,276,081)	113,170,917,508
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7,502,740,784)	4,906,193,968
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15,053,979,737)	26,396,348,502
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(17,695,371,265)	(1,448,503,617)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2,220,676,610	(4,705,280,558)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(44,330,696)	(46,075,454,373)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(579,385,965)	(6,609,830,974)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(51,416,407,918)</b>	<b>85,634,390,456</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7.9	(277,739,890)	(38,822,363,305)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		40,197,368	418,271,877
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(237,542,522)</b>	<b>(38,404,091,428)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	135,313,659,921	311,094,170,755		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(88,534,445,948)	(360,042,210,200)		
5. Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<u>46,779,213,972</u>	<u>(48,948,039,445)</u>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(4,874,736,468)</b>	<b>(1,717,740,417)</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>12,839,708,200</b>	<b>14,557,448,617</b>		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<u><b>7,964,971,732</b></u>	<u><b>12,839,708,200</b></u>		


Lê Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Buôn Ma Thuột, ngày tháng 04 năm 2016

Vân Đức Lư  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### Quý 1 Năm 2016

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk (công ty mẹ) và Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Trồng cây công nghiệp – chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Đầu tư phát triển dự án trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến các sản phẩm mủ cao su, gỗ cao su, điều và cà phê để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

#### 4. Công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH cao su Đắk Lắk	Bản Thà Luông, huyện Păkse – tỉnh Châmpasăk, Lào	100%	100%

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Các Công ty trong tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

01  
ĐN  
S F  
TU  
K  
TH

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)**

---

cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 08 năm
Vườn cây lâu năm	Theo sản lượng khai thác

#### 7. Tài sản thuê hoạt động

##### *Tập đoàn là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

##### *Giấy chứng nhận ISO*

Giấy chứng nhận ISO bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hệ thống và được cấp Giấy chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

#### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 10. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### 13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài – Công ty con để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, tỷ giá sử dụng như sau:

- Đối với tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Trường hợp tỷ giá trung bình xấp xỉ tỷ giá thực tế thì tỷ giá trung bình được sử dụng để chuyển đổi các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài.
- Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại như là vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư thuận đó.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/03/2016 : 22.257 VND/USD  
0,3648 LAK/VND

31/12/2015 : 21.450 VND/USD  
0,3634 LAK/VND

#### 16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **17. Công cụ tài chính**

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

##### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số Kỳ này	Số đầu năm
Tiền mặt	1.270.662.170	780.382.663
Tiền gửi ngân hàng	6.694.309.562	12.059.325.537
Các khoản tương đương tiền (*)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.964.971.732</b>	<b>12.839.708.200</b>

**2. Phải thu khách hàng**

	Số Kỳ này	Số đầu năm
Giảm phí đầu tư hạng mục XD nhà máy (Theo Kiểm toán Nhà nước)	4.184.113.073	4.200.232.386
Khâm Lếch - Hợp đồng mua đá thành phẩm	96.649.627	97.021.970
CS Centrottrade Singapore Pte. Ltd. (Singapore)	-	0
Công ty Đào Hương		961.227.298
Thái mua túi PE thiếu hóa đơn ghi Nợ TK 131 (Theo Kiểm toán Nhà nước)	238.517.500	239.436.390
Công ty SVS mua đá thành phẩm	70.175.439	70.445.789
<b>Cộng</b>	<b>4.956.492.371</b>	<b>5.568.363.833</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	Số Kỳ này	Số đầu năm
Ông Bun Lửa	419.024.123	420.638.415
Phu Viêng Sihavong - Đền bù hoa màu CSLK	132.465.735	132.976.059
Ông Văn Na - Công ty TNHH khuyến nông XNK (KS đất)	471.491.228	473.307.650
XDCB-Nguyễn Văn Minh- NT1	109.649.123	-
XDCB Lê Văn Yên - Chủ thầu xây dựng	323.464.912	-
Công ty vận chuyển hàng hóa quốc tế PK	211.349.485	212.163.709
Công ty khảo sát, thiết kế đường	91.831.140	92.184.920
Công ty TNHH Kiểm toán Vạn An - MAAC	45.197.314	45.371.436
Thạo Nanthanon	94.572.368	94.936.710
Công ty kiểm toán Lào	68.530.702	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ MB	5.000.000	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.972.576.129</b>	<b>1.476.578.899</b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	Số Kỳ này		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản phải thu lại theo Biên bản Kiểm toán Nhà Nước năm 2012 liên quan đến chi phí thiệt hại do đầu tư ngoài dự án phê duyệt	5.764.448.621	-	5.786.656.183	-
Bảo hiểm xã hội		-	28.622.990	-
Tạm ứng CB CNV	3.525.231.242			

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

	Số Kỳ này		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế giá trị gia tăng được hoàn		-	272.333.066	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.161.602.980	(862.319.449)	1.970.933.627	(865.641.538)
<b>Cộng</b>	<b>15.451.282.843</b>	<b>(862.319.449)</b>	<b>8.058.545.866</b>	<b>(865.641.538)</b>

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.025.470.556	-	10.465.507.592	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.634.094.496	-	2.340.755.569	-
Thành phẩm	1.261.429.600	-	8.060.751.754	-
<b>Cộng</b>	<b>35.920.994.652</b>	<b>-</b>	<b>20.867.014.915</b>	<b>-</b>

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

Thu lợi tiền thưởng từ lãi tỷ giá (theo Kiểm toán nhà nước).

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	195.726.242.012	73.802.860.198	36.668.087.968	3.505.994.382	1.115.382.457.325	1.425.085.641.885
Mua sắm mới	-	-	-	-	13.113.340.356	13.113.340.356
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
Thanh lý, nhượng bán	4.151.557.067		1.527.964.953	655.341.250		6.334.863.270
Giảm khác						
Chênh lệch tỷ giá (*)	(424.493.841)	(283.234.663)	(139.877.647)	(71.240.580)	(4.280.524.784)	(5.199.371.516)
<b>Số cuối năm</b>	<b>191.150.191.104</b>	<b>73.519.625.535</b>	<b>35.000.245.367</b>	<b>2.779.412.552</b>	<b>1.124.215.272.897</b>	<b>1.426.664.747.456</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	68.418.358.242	30.365.188.016	22.343.446.790	3.355.292.527	77.707.990.635	202.190.276.210
Khấu hao trong năm	3.197.316.814	1.802.085.885	627.326.897	13.069.175	8.245.691.801	13.885.490.572
Thanh lý, nhượng bán	2.724.313.692		1.527.964.953	655.341.250		4.907.619.896
Chênh lệch tỷ giá (*)	(228.732.342)	(116.533.074)	(78.766.678)	(27.323.064)	(298.221.424)	(749.576.582)
<b>Số cuối năm</b>	<b>68.662.629.021</b>	<b>32.050.740.828</b>	<b>21.364.042.056</b>	<b>2.685.697.388</b>	<b>85.655.461.012</b>	<b>210.418.570.304</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	127.307.883.770	43.437.672.182	14.324.641.178	150.701.855	1.037.674.466.690	1.222.895.365.675
<b>Số cuối năm</b>	<b>122.487.562.083</b>	<b>41.468.884.707</b>	<b>13.636.203.311</b>	<b>93.715.164</b>	<b>1.038.559.811.886</b>	<b>1.216.246.177.151</b>

(\*) Do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận ISO	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	375.796.643	636.662.080	1.012.458.723
Chênh lệch tỷ giá (*)	(1.469.098)	(2.416.434)	(3.885.532)
<b>Số cuối năm</b>	<b>374.327.545</b>	<b>634.245.646</b>	<b>1.008.573.191</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	236.767.215	159.165.520	395.932.735
Khấu hao trong năm		15.855.469	15.855.469
Chênh lệch tỷ giá (*)	(908.646)	(610.833)	(1.519.479)
<b>Số cuối năm</b>	<b>235.858.569</b>	<b>174.410.156</b>	<b>410.268.725</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	139.029.428	477.496.560	616.525.988
<b>Số cuối năm</b>	<b>138.495.872</b>	<b>459.808.594</b>	<b>598.304.465</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(\*) Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng khác (*)	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
<i>Công trình tại văn phòng Công ty</i>	3.112.160.341	3.377.102.585	-	-	-	(11.943.600)	6.477.319.325
<i>Công trình tại Nông trường 1</i>	13.962.490.784	17.365.343	-	(7.255.186.382)	-	(53.584.119)	6.671.055.827
<i>Công trình tại Nông trường 2</i>	74.786.973.054	37.617.441	-	(5.858.153.974)	-	(287.011.408)	68.679.425.113
<i>Công trình tại Nông trường 3</i>	68.204.516.558	90.071.546	-	-	-	(261.749.791)	68.032.838.313
<i>Công trình tại Nông trường 4</i>	75.986.551.136	132.685.360	-	-	-	(291.615.054)	75.827.621.442
<i>Công trình tại Paksoong</i>	45.372.616.154	0	0	-	0	(174.127.363)	45.198.488.791
<b>Cộng</b>	<b>281.425.308.027</b>	<b>3.654.842.747</b>	<b>0</b>	<b>(13.113.340.356)</b>	<b>0</b>	<b>(1.080.031.335)</b>	<b>270.886.778.810</b>

**10. Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào.

Theo Giấy đăng ký tô nhượng sửa đổi lần thứ 4 số 016-16/KĐ/ĐT4 của Bộ Kế Hoạch và Đầu tư nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào, cấp ngày 30/03/2016, Công ty TNHH một thành viên cao su Đắk Lắk đầu tư vào Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào 25.000.000 USD, tương đương 100% vốn điều lệ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số Kỳ này</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty tại Lào	151.619.159	105.550.019
Nông trường 1	4.219.470.618	5.170.757.259
Nông trường 2	2.835.423.885	3.438.967.146
Nông trường 3	2.026.037.994	2.301.554.516
Nông trường 4	629.371.167	717.673.313
Xí nghiệp chế biến mủ	1.180.728.016	1.341.946.274
Trụ sở Công ty mẹ	518.335.055	604.427.537
Khác		100.786.440
<b>Cộng</b>	<b><u>11.560.985.894</u></b>	<b><u>13.781.662.504</u></b>

(\*) Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

**12. Phải trả người bán**

	<u>Số Kỳ này</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Sông Gianh	1.783.508.772	-
Công ty Mai Hương	353.469.243	-
Nguyễn Thị Kiều Oanh - Cty TNHH liên doanh VN-Châmpa	29.445.403	-
Công ty xây dựng Châmpasăk		441.033.467
Công ty TNHH MTV Cơ khí BK	704.205.584	785.999.615
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Cao Su	900.986.842	-
Công ty TNHH SX-TM-DV H&K	3.798.911.801	220.183.775
Công ty TNHH Xây dựng cầu đường số 1		29.558.841
Trung tâm chứng nhận phù hợp Quacert	0	33.000.000
Cửa hàng VPP và TTNT Ngọc Lan		14.560.000
Văn phòng công nhận chất lượng	68.291.160	68.554.255
<b>Cộng</b>	<b><u>7.638.818.805</u></b>	<b><u>1.592.889.953</u></b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số Kỳ này</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hòa Thuận		1.583.242.433
Công ty TNHH sản xuất thương mại nông sản Khải Hưng	1.109.734	1.114.009
<b>Cộng</b>	<b><u>1.109.734</u></b>	<b><u>1.584.356.442</u></b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá (*)</u>	<u>Số Kỳ này</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	369.946.717	30.114.819	0		398.765.140
Thuế thu nhập	1.058.777.394	609.891.708	579.388.158		1.085.217.654

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Chênh lệch tỷ giá (*)	Số Kỳ này
doanh nghiệp					
Thuế thu nhập cá nhân	2.186.765.809	674.632.936	2.030.848.544		822.158.007
Các loại thuế khác	-	1.156.568.512	1.156.568.512		
Tiền thuê đất	-	1.171.704.375	1.171.704.375		
<b>Cộng</b>	<b>3.615.489.920</b>	<b>3.642.912.349</b>	<b>4.938.509.589</b>		<b>2.036.140.800</b>

(\*) Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty mẹ nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Công ty con chưa đăng ký, kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Toàn bộ thuế thuế giá trị gia tăng đầu vào được ghi nhận hết vào giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chi phí phát sinh trong năm. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%. Năm 2016, Công ty mẹ không phát sinh thu nhập tính thuế nên không dự tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với Công ty con, theo Biên bản thỏa thuận ngày 19 tháng 11 năm 2004 về Dự án phát triển cây cao su ở 4 tỉnh nam Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp sau 02 năm cạo mù, sau đó phải nộp thuế lợi tức tính trên doanh thu bán thành phẩm với tỷ suất 8% và thuế suất 20%.

Các loại cây công nghiệp khác phải nộp thuế theo quy định kể từ ngày có sản phẩm.

#### *Thuê đất*

Công ty con phải nộp tiền thuê đất với giá là 6USD/ha/năm. Công ty được miễn tiền thuê đất trong 07 năm đầu phát triển dự án kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với các bộ phận có liên quan của Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất.

#### *Các loại thuế khác*

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

#### 15. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 03/2016 và lương hiệu quả kinh doanh còn phải trả cho người lao động.

#### 16. Chi phí phải trả

	Số Kỳ này	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản	469.846.491	738.900.616
Chi phí phải trả khác	266.218.432	58.018.713
<b>Cộng</b>	<b>736.064.923</b>	<b>796.919.329</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số Kỳ này	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	373.721.102	-
Phí bảo hành công trình	716.217.336	718.976.566
Lãi vay phải trả cán bộ công nhân viên	917.849.092	10.897.803.244
Phải trả góp vốn Công ty Chí Thun	68.438.198	31.430.636
Phải trả lãi vay 2015 dakruco	6.674.691.781	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	759.015.882	625.311.783
<b>Cộng</b>	<b>9.509.933.391</b>	<b>12.273.522.229</b>

**18. Vay ngắn hạn và dài hạn***Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn*

	Số Kỳ này		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng			185.578.654.177	185.578.654.177
- Ngân hàng Việt Lào (i)	102.433.669.476	102.433.669.476	78.049.958.723	78.049.958.723
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào	129.774.464.923	129.774.464.923	107.528.695.454	107.528.695.454
Vay dài hạn đến hạn trả	38.447.822.070	38.447.822.070	49.522.202.678	49.522.202.678
<b>Cộng</b>	<b>270.655.956.469</b>	<b>270.655.956.469</b>	<b>235.100.856.855</b>	<b>235.100.856.855</b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay với hạn mức 40.000.000.000 LAK tại Ngân hàng Việt Lào theo hợp đồng tín dụng số 41/2015/HDTD.LVB.CPS ngày 05 tháng 5 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng món vay cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009.

*Vay dài hạn*

	Số Kỳ này		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn với các bên liên quan</i>				
- Cán bộ công nhân viên	16.058.946.574	16.058.946.574	16.058.946.574	16.058.946.574
- Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	445.697.068.829	445.697.068.829	452.248.820.272	452.248.820.272
- Ngân hàng Lào Việt <sup>(ii)</sup>	7.068.472.212	7.068.472.212	7.095.703.531	7.095.703.531
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào <sup>(iii)</sup>	438.628.596.617	438.628.596.617	445.153.116.741	445.153.116.741
<b>Cộng</b>	<b>516.756.015.403</b>	<b>516.756.015.403</b>	<b>523.307.766.846</b>	<b>523.307.766.846</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

(i) Khoản vay Ngân hàng Lào Việt với lãi suất năm đầu là 13,5% và từ năm thứ 02 trở đi thay đổi theo thông báo của Ngân hàng để đầu tư xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng giá trị nhà máy chế biến mủ cao su.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào theo hợp đồng tín dụng số 06/HĐTD/2013/KHDN ngày 05 tháng 6 năm 2013 với lãi suất ban đầu là 8%/năm (vay USD) và lãi suất là 11%/năm (vay LAK), mức lãi suất trên sẽ thay đổi theo thông báo của Ngân hàng tại từng thời điểm vay để thực hiện dự án đầu tư "Phát triển cao su, cà phê, điều tại các tỉnh Nam Lào". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản là giá trị vườn cây cao su tại Nông trường 2 và một phần diện tích vườn cây cao su tại Nông trường 4 tại tỉnh Salavan.

Ngày 29 tháng 3 năm 2014, Công ty tiếp tục ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào hợp đồng vay dài hạn số 06/HĐTD/2014/KHDN với tổng giá trị 160.000.000.000 LAK, lãi suất 6,5%/năm (vay USD) và 11%/năm (vay LAK) để "trả nợ công ty mẹ đã đầu tư vào dự án phát triển cao su, cà phê, điều của Công ty TNHH cao su Đăklăk tại các tỉnh Nam Lào", thời hạn vay 11 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản là giá trị vườn cây cao su tại Nông trường 1 và Nông trường 3.

#### 19. Vốn chủ sở hữu

##### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	732.000.000.000	39.709.117.625	(47.620.212.981)	724.088.904.644
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(1.476.708.369)	(1.476.708.369)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	52.839.024.855	(2.858.259.806)	49.980.765.049
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>732.000.000.000</b>	<b>92.548.142.480</b>	<b>(51.955.181.156)</b>	<b>772.592.961.324</b>
Số dư đầu năm nay	732.000.000.000	92.548.142.480	(51.955.181.156)	772.592.961.324
Lợi nhuận trong năm	-	-	(13.589.983.283)	(13.589.983.283)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	(54.949.217)	442.928.386	387.979.169
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>732.000.000.000</b>	<b>92.603.091.697</b>	<b>(65.102.236.052)</b>	<b>759.500.855.645</b>

##### Cổ phiếu

	Số Kỳ này	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.200.000	73.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán mủ cao su	36.802.456.121	406.014.549.089
Doanh thu bán cà phê	259.610.496	3.699.505.677
Doanh thu bán Điều	1.315.775.768	2.846.085.297
Doanh thu bán Đá		108.833.242
<b>Cộng</b>	<b><u>38.377.842.385</u></b>	<b><u>412.668.973.305</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	35.662.640.800	324.237.285.955
Giá vốn khác		264.899.370
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(175.421.980)
<b>Cộng</b>	<b><u>35.662.640.800</u></b>	<b><u>324.326.763.345</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.739.424	53.543.891
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.772.466.563	1.888.227.488
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.503.476.060
Chiết khấu thanh toán		66.042.928
<b>Cộng</b>	<b><u>1.785.205.987</u></b>	<b><u>3.511.290.367</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	12.713.106.291	56.249.320.305
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	37.309.309	169.726.812
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		8.699.551.351
Chi phí tài chính khác	17.900.831	1.802.408.424
<b>Cộng</b>	<b><u>12.768.316.431</u></b>	<b><u>66.921.006.892</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	247.565.085	2.442.742.364
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	181.668.906	1.172.907.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.061.245	341.555.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.232.706	1.978.021.624
Các chi phí khác		579.380.954
<b>Cộng</b>	<b><u>538.527.941</u></b>	<b><u>6.514.608.198</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo)

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	1.437.310.145	7.308.489.189
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.137.551	513.325.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	608.827.325	2.421.941.317
Thuế, phí, lệ phí	203.666.776	22.356.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	501.265.449	946.384.776
Chi phí khác	27.247.752	2.429.315.292
<b>Cộng</b>	<b>2.782.454.999</b>	<b>13.641.812.222</b>

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	40.197.368	418.271.877
Thu nhập khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40.197.368</b>	<b>418.271.877</b>

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	1.427.243.374	58.886.984
Chi phí khác		9.529.831
<b>Cộng</b>	<b>1.427.243.374</b>	<b>68.416.815</b>


#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.589.983.283)	(1.476.708.369)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(13.589.983.283)	(1.476.708.369)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	73.200.000	73.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(186)</b>	<b>(20)</b>

Đắk Lắk, ngày tháng 04 năm 2016



Lê Thanh Cường  
Kế toán trưởng



Văn Đức Lư  
Tổng Giám đốc